

Số: 155/2026/QĐST-HNGĐ

Đồng Nai, ngày 17 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI

Căn cứ vào các Điều 397, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 55, 57, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 442/2026/TLST-VHNGĐ ngày 03 tháng 04 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông Cán Văn L, sinh ngày 04/01/1987;

Căn cước công dân số 001087019101 do Cục C về trật tự xã hội ngày 31/01/2023;

Nơi cư trú: Thôn V, xã P, thành phố Hà Nội.

- Bà Trần Thị T, sinh ngày 20/8/1988;

Căn cước công dân số 051188000207 do Cục C về trật tự xã hội ngày 31/01/2023;

Nơi cư trú: Thôn V, xã P, thành phố Hà Nội;

Nơi tạm trú: Số I, đường CMT8, tổ B, ấp D, xã T, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Cán Văn L và bà Trần Thị T chung sống, có đăng ký kết hôn được UBND xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 92, quyển số 01/2012, ngày 13/11/2012. Căn cứ vào Điều

11,12,13 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình hòa giải, bà T và ông L không đoàn tụ về chung sống với nhau nhưng thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, sự tự nguyện của các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được công nhận.

[2] Về con chung: Ông L và bà T có 01 (một) con chung tên Cán Trần Thảo M, sinh ngày 02/6/2013. Khi ly hôn thỏa thuận giao con chung cho bà Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Cán Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng (ba triệu đồng/tháng) cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Cán Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở ông L thực hiện quyền này.

Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Ông L và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông L và bà T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ghi trong Biên bản ghi nhận hòa giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 09/4/2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Cán Văn L và bà Trần Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông L và bà T có 01 (một) con chung tên Cấn Trần Thảo M, sinh ngày 02/6/2013. Khi ly hôn thỏa thuận giao con chung cho bà Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Cấn Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng (ba triệu đồng/tháng) cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Cấn Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở ông L thực hiện quyền này.

Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: ông L, bà T mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006520 và 0006519 cùng ngày 24/03/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Các đương sự đã nộp xong tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 3 - Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Phú Cát, TP. Hà Nội (GCNKH số 92, quyền số 01/2012, ngày 13/11/2012 của UBND xã Đông Yên, huyện Quốc Oai, TP. Hà Nội);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, văn phòng.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Nhung